

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018**

TP.HCM, THÁNG 3 NĂM 2019

Phụ lục số 04**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155 /2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL
NĂM 2018**

I. Thông tin chung**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Thép Thủ Đức – Vnsteel
- Tên viết tắt: Thép Thủ Đức – Vnsteel
- Tên tiếng anh: Vnsteel – Thuduc steel joint stock company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305409326
- Vốn điều lệ: 122.253.930.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 122.253.930.000 đồng
- Địa chỉ: Km 9, Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM
- Số điện thoại: 028.38969612
- Số Fax: 028.37310154
- Websit: www.thepthuduc.com.vn
- Email: thepthuducvkc@vnn.vn
- Mã cổ phiếu: TDS

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức-Vnsteel có nguồn gốc hình thành từ những năm 1960 với tên ban đầu là **Việt Nam Kim Khí Công ty - VIKIMCO**, do chủ người Việt Nam điều hành và quản lý. Cơ sở vật chất lúc ban đầu rất nghèo nàn chỉ có một phân xưởng cán, sản xuất sản phẩm thép tròn như Ø8, Ø10 với sản lượng khoảng 500-1.000T/năm.

Sau ngày thống nhất đất nước (30/4/1975) Công ty vẫn được điều hành và quản lý bởi chủ cũ.

Từ ngày 01/01/1978 VIKIMCO chính thức được đặt dưới sự điều hành và quản lý của Công ty Luyện Kim Đen thuộc Bộ Cơ Khí và Luyện Kim và được đổi tên thành **Nhà máy Quốc doanh Cán thép VIKIMCO**.

Ngày 27/07/1988 Nhà máy Quốc doanh Cán thép VIKIMCO đổi tên thành Nhà máy Thép thủ Đức.

Giai đoạn 1991 - 1995: Đây là giai đoạn Nhà máy đầu tư để phát triển sản xuất, tổng số tiền đầu tư chiều sâu và đầu tư mở rộng là 90 tỷ đồng. Một số công trình đã được đầu tư xây dựng như:

- Lắp đặt thêm 1 lò luyện thép hồ quang 12 tấn/mé.
- Lắp đặt dây chuyền đúc thép liên tục 2 dòng có công suất 70.000 tấn/năm. Đầu tư hai nhà xưởng và các thiết bị tiếp nhận chế biến sắt vụn
- Lắp đặt dây chuyền sản xuất Oxy 150 m³/h phục vụ cường hóa trong quá trình nấu luyện, lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho 2 lò luyện thép.
- Lắp đặt trạm cấp điện 12,5 MVA cung cấp điện cho 2 lò luyện thép 66kv/15kv.
- Lắp đặt phân xưởng cán mới công suất 120.000 tấn/năm, với thiết bị công nghệ của Đài Loan. Cải tạo Xưởng cán 2 bằng cách đầu tư thêm 2 cụm giá cán tinh kiểu đứng và kiểu nằm của Simac, dùng động cơ 1 chiều, tự động điều chỉnh, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, cùng với nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đưa năng suất cán 2 có thể đạt 150.000T/năm
- Lắp đặt các thiết bị để phục vụ cho công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm như: Máy kéo nén, máy phân tích quang phổ v...

Từ năm 1995 Nhà máy đã đưa các công trình trên vào khai thác sử dụng, nâng năng lực sản xuất thép thỏi của Nhà máy lên 50.000 tấn/năm và năng lực sản xuất của 2 phân xưởng cán lên 160.000 tấn/năm. Sản lượng thép cán đạt được trong những năm 1996-1998 đạt xấp xỉ 100.000 tấn/năm, tăng 10 -15 lần so với những năm đầu.

Giai đoạn 2000 đến nay: Ổn định sản lượng, nâng cao chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9002/1994 và nay là ISO-9001/2008.

- Lắp đặt lò nung mới hiện đại theo thiết kế của Đài Loan để tự động hóa quá trình nung gồm 01 lò 12T/h Xưởng cán 1 và 1 lò 25T/h Xưởng cán 2. Cải tạo toàn diện các cụm thiết bị cán 1 để tự động hóa thay cho thao tác thủ công, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao.

- Cải tạo trạm nâng cấp trạm cấp điện 12,5 MVA, 66kv/15kv thành trạm 25MVA, 110kv/15 kv. Trang bị máy tiện CNC để gia công rãnh hình trục cán. Lắp thêm dây chuyền sản xuất oxy 350m³/h, phục vụ cho luyện thép và kinh doanh oxy. Cải tạo hệ thống hút bụi lò luyện thép, đảm bảo môi trường xanh, sạch.

- Phòng QLCL được trang bị thêm các máy sử dụng chương trình vi tính: Máy thử cơ tính vạn năng 100T, máy phân tích quang phổ. Phòng được cấp chứng chỉ ISO 17025 công nhận phòng thí nghiệm hợp chuẩn.

- Xây dựng bến sà lan 500T phục vụ cho công tác xuất nhập hàng hóa qua đường sông và mở rộng thêm gian chứa thành phẩm thép cán.

- Sản lượng thép thỏi đã đạt sản lượng từ 70.000 - 80.000 tấn/năm.

Từ ngày 01/07/2007 Nhà máy Thép Thủ Đức được đổi tên thành Công ty Thép Thủ Đức trực thuộc Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP.

Từ ngày 01/01/2008 Công ty Thép Thủ Đức chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.

Từ ngày 15/4/2016 Công ty cổ phần Thép Thủ Đức chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức-Vnsteel

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

* **Ngành nghề kinh doanh:**



- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thép và sản phẩm thép; nguyên nhiên liệu, thứ phế liệu kim loại cho sản xuất thép; các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí, công nghiệp.

- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng.

- Sản xuất, kinh doanh oxy, nitơ, argon dạng khí và lỏng; mua bán, lắp đặt hệ thống thiết bị sản xuất và sử dụng khí.

- Kinh doanh khai thác cảng.

- Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

- Xây dựng, kinh doanh cao ốc, văn phòng, nhà ở ./.

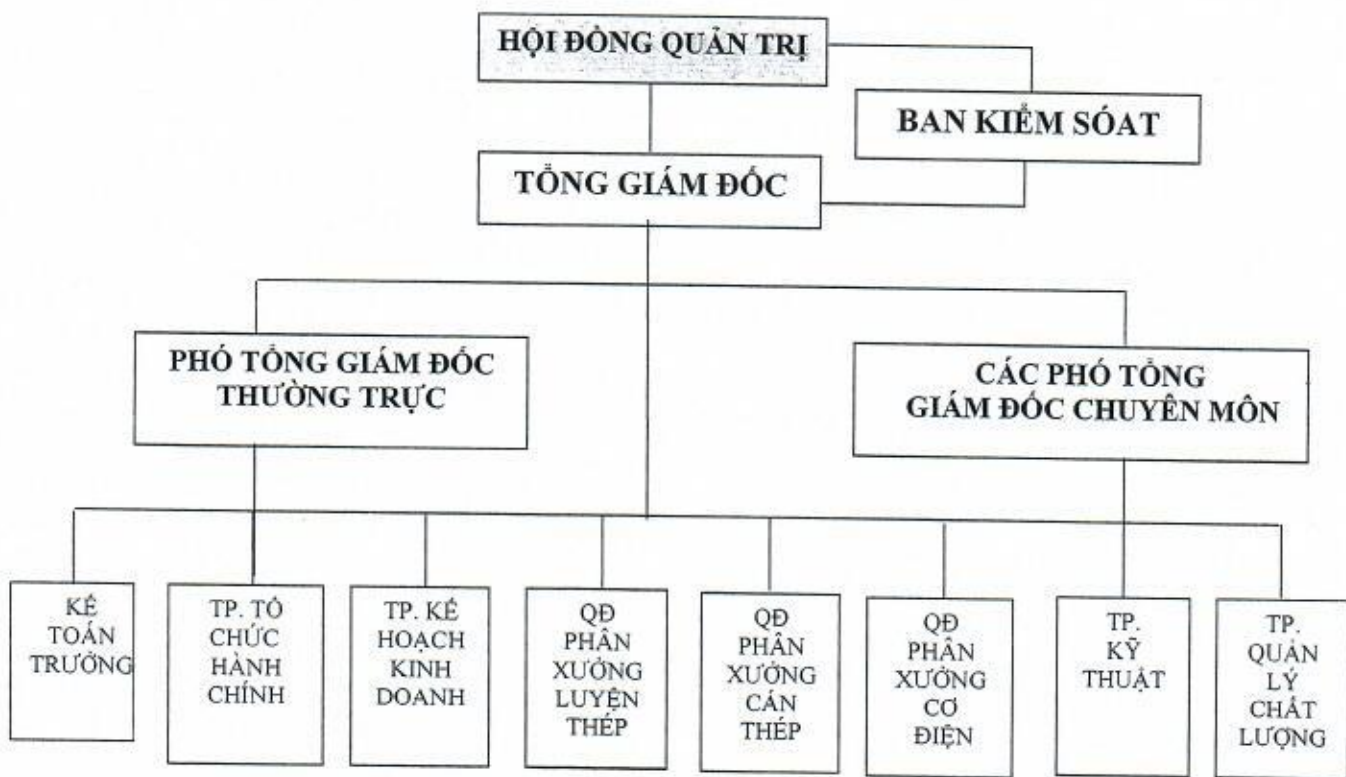
*** Địa bàn kinh doanh:**

- Sản phẩm thép cán và phôi thép của Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu ra các nước trong khu vực.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị.**

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



- **Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:**

Cơ cấu tổ chức của Công ty theo mô hình Công ty Cổ phần, bao gồm:

- + Đại hội đồng Cổ đông;
- + Hội đồng Quản trị;
- + Ban kiểm soát;
- + Ban Tổng Giám đốc;
- + Các phòng Chuyên môn;
- + Các phân xưởng.

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề có liên quan tới phương hướng hoạt động, vốn điều lệ, kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những vấn đề khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản gồm 5 thành viên trong đó có 2 thành viên không chuyên trách và 1 thành viên độc lập.

- + Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch
- + Ông Nguyễn Phùng Hiền – Thành viên
- Ông Nguyễn Phùng Hiền miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 01/01/2019*
- + Ông Cao Anh Kiệt - Thành viên
- + Ông Lê Bá Phương - Thành viên
- + Ông Lê Khắc Thành - Thành viên

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có trách nhiệm kiểm tra báo cáo Tài chính hàng quý, năm, xem xét các báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ và các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát gồm hiện nay gồm 3 thành viên.

- + Bà Đoàn Hồng Hà – Trưởng ban
- + Ông Nguyễn Quốc Cường – Thành viên
- + Ông Trần Minh Hạnh – Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự Giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban phân xưởng chức năng.

26.
Y
, N
,
NSTP
, HO

Các phó Tổng giám đốc: Các Phó Tổng giám đốc là người giúp việc Tổng Giám đốc điều hành một lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực được Tổng Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

Ban Tổng Giám đốc hiện nay gồm 1 Tổng Giám đốc và 3 phó Tổng Giám đốc.

+ Ông Nguyễn Phùng Hiền – Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Phùng Hiền miễn nhiệm Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2019

+ Ông Nguyễn Xuân Tiến – Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Tiến bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2019

+ Ông Cao Anh Kiệt – Phó Tổng Giám đốc

+ Ông Hoàng Công Thành - Phó Tổng Giám đốc

+ Ông Đào Dân Quý - Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng: Bà Đỗ Thị Long Châu

Các Phòng Ban, Phân xưởng của Công ty: Gồm 5 phòng và 3 phân xưởng

+ Phòng Tổ chức Hành chính Ông Cao Anh Kiệt Phó TGD- Phụ trách phòng

+ Phòng Tài chính Kế toán Bà Đỗ Thị Long Châu: Trưởng phòng

+ Phòng Kế hoạch Kinh doanh Ông Vũ Xuân Trường: Trưởng phòng

+ Phòng Kỹ thuật Ông Huỳnh Văn Ngãi: Trưởng phòng

+ Phòng Quản lý chất lượng Ông Tạ Đình An: Trưởng phòng

+ Phân xưởng luyện thép Ông Trần Quốc Tuấn: Quản đốc

+ Phân xưởng cán thép Ông Hoàng Công Thành –Phó TGD- kiêm Quản đốc

+ Phân xưởng cơ điện Ông Nguyễn Anh Minh: Quản đốc

– **Các công ty con, công ty liên kết:**

Không có Công ty con, không có Công ty liên kết

4. Định hướng phát triển

– **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2018:**

+ Kế hoạch sản xuất:

Thép thỏi: 185.000 tấn

Thép cán: 160.000 tấn

+ Doanh thu: 2.270 tỷ đồng

+ Kế hoạch tiêu thụ:

Thép thỏi: 20.000 tấn

Thép cán: 160.000 tấn

+ Lợi nhuận trước thuế: 50,0 tỷ đồng

+ Cổ tức: 10% VDL

– **Công tác môi trường:**



+ Để Công ty phát triển bền vững, trong những năm qua Công ty luôn thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, trồng nhiều cây xanh, duy trì tốt nhà máy công viên.

+ Công tác xử lý khí thải, nước thải đạt QCVN (Quy chuẩn Việt Nam) về môi trường. Công tác quản lý chất thải rắn được thực hiện nghiêm túc và có ký hợp đồng với đối tác có chức năng xử lý chất thải rắn theo đúng quy định.

- Công tác tổ chức lao động, tiền lương và đời sống:

+ Thực hiện trả lương theo chế độ khoán sản phẩm và các chế độ khác của người lao động theo đúng quy định và chế độ hiện hành.

+ Lao động bình quân trong năm là 390 người (trong đó nữ 14 người).

+ Thu nhập bình quân của người lao động là 15,5 triệu đồng/người/tháng (2017 là 15,4 triệu đồng/người/tháng).

+ Chu cấp chi phí cho người lao động nghỉ mát hàng năm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

+ 100% người lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội, BHYT vv..

- Công tác an ninh trật tự và an toàn lao động:

+ Duy trì và thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ tài sản, giữ vững an ninh trật tự trong Công ty.

+ Công tác huấn luyện an toàn lao động định kỳ được thực hiện tốt.

+ Trang bị và sử dụng đầy đủ trang bị bảo hộ lao động theo đúng yêu cầu ngành nghề. Trong năm có 5 vụ tai nạn lao động nhẹ.

+ Duy trì công tác kiểm tra an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, an toàn và huấn luyện PCCN vv..

- Công tác Tài chính – Kế toán:

+ Thực hiện đúng các chế độ, Quy định về tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.

+ Đảm bảo khai báo thuế và nộp thuế đầy đủ đúng thời hạn, công bố thông tin đúng theo quy định.

+ Phân tích chi phí chính xác kịp thời, đáp ứng tốt dòng tiền cho SXKD.

+ Đáp ứng đầy đủ công tác kiểm tra tài chính định kỳ, thực hiện tốt luân chuyển chứng từ báo cáo thống kê theo đúng quy định.

- Công tác kỹ thuật và Công nghệ:

+ Thiết bị Lò điện hồ quang EBT, lò tinh luyện LF, máy đúc liên tục MCC hoạt động ổn định, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn Quốc tế.

+ Thiết bị dây chuyền cán thép được đầu tư nâng cấp hoạt động ổn định, sản phẩm đạt tiêu chuẩn Quốc tế như ASTM (mỹ); JIS (nhật); TCVN vv..

+ Thiết bị phụ trợ như máy phân tích quang phổ, máy kiểm tra cơ tính, máy phay rãnh vắn, máy tiện CNC vv.. hoạt động ổn định và hiệu quả cao.

5. Các rủi ro:

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự công bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Phôi thép: Sản xuất 185.069 tấn, đạt 100,0% kế hoạch năm và bằng 97,09% so với cùng kỳ; tiêu thụ thép thỏi 13.128 tấn, đạt 65,64% kế hoạch năm và bằng 46,26% so với cùng kỳ (do tình hình tiêu thụ thép cán tốt Công ty tập trung cho sản xuất thép cán, tạo việc làm thu nhập cho người lao động).

Thép cán dài: Sản xuất 178.131 tấn, đạt 111,33% kế hoạch năm và tăng 13,08% so với cùng kỳ; tiêu thụ thép cán đạt 172.439 tấn, đạt 107,8% kế hoạch năm và tăng 14,0% so với cùng kỳ. Sản xuất thép cán và tiêu thụ thép cán đạt cao hơn kế hoạch đặt ra do thị trường trong năm gặp nhiều thuận lợi.

Chỉ tiêu về lợi nhuận: LN trước thuế 43,3 tỷ đồng đạt 86,6% kế hoạch năm và bằng 46,3% so cùng kỳ năm 2017, lợi nhuận thấp so với kế hoạch và so với cùng kỳ do thị trường cạnh tranh mạnh về giá với các đối thủ thương hiệu khác vv.

Thu nhập: Thu nhập BQ của CBCNV tăng khoảng 2,6% so kế hoạch và bằng 99% so với năm 2017.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

T T	Sản phẩm	Kế hoạch năm 2018	Năm 2018			So với năm 2017	
			Thực hiện	Tỷ lệ % so kế hoạch	Ghi chú	Năm 2017	% so cùng kỳ 2017
1	Sản xuất: (tấn)						
	- Phôi thép	185.000	185.069	100,03		190.836	97,09
	- Thép cán	160.000	178.131	111,33		157.517	113,8
2	Tiêu thụ: (tấn)						
	- Phôi	20.000	13.128	65,64		28.376	46,26
	- Thép cán	160.000	172.439	107,8		151.307	114,02
3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	50,0	43,3	86,6		94,2	46,0
4	Thu nhập BQ (triệu đồng người/tháng)	15,0	15,4	102,6		15,5	99,0
5	Doanh thu (tỷ đồng)	2.270	2.495	109,91		2.027	123,08



2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

2.1 Ông Nguyễn Phùng Hiền: Thành viên HĐQT - kiêm Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.445.079 Cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền: 2.445.079 cổ phiếu.

Ông Nguyễn Phùng Hiền miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2019 và chấp dứt ủy quyền làm đại diện vốn của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Công ty CP Thép Thủ Đức từ ngày 01/01/2019.

2.2 Ông Nguyễn Xuân Tiến: Thành viên HĐQT - kiêm Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.445.169 Cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: 90 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền: 2.445.079 cổ phiếu.

Ông Nguyễn Xuân Tiến bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2019 và ủy quyền làm đại diện vốn của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Công ty CP Thép Thủ Đức từ ngày 01/01/2019.

2.3 Ông Cao Anh Kiệt: Thành viên HĐQT- Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.836.009 Cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: 2.200 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền: 1.833.809 cổ phiếu

2.4 Ông Hoàng Công Thành: Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cán kéo kim loại

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 5.000 Cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: 5.000 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền: không cổ phiếu

2.5 Ông Đào Dân Quý: Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: không Cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: không cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền: không cổ phiếu

2.6 Bà Đỗ Thị Long Châu: Kế toán trưởng

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: không Cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: không cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền: không cổ phiếu

- Số lượng CNCNV Công ty hiện nay là 390 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm 2018 Công ty đã đầu tư 04 hạng mục, đưa vào sử dụng và quyết toán xong cụ thể:

- + Đầu tư máy phân tích quang phổ: quyết toán 1,13 tỷ đồng.
- + Đầu tư xe đào 1,1m³: quyết toán 3,286 Tỷ đồng.
- + Đầu tư máy tiện CNC: quyết toán 3,965 tỷ đồng.
- + Đầu tư máy đóng bó thép thành phẩm: quyết toán 1,153 tỷ đồng

0932
CÔNG TY
PHÂN
PHỐI
C-T.P

b. Các công ty con, công ty liên kết:

Không có Công ty con và Công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% (2018 / 2017)
1	Tổng giá trị tài sản	424.403.549.856	603.688.842.588	142%
2	Doanh thu thuần	2.027.196.639.132	2.485.937.752.083	123%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	93.124.031.259	43.339.765.726	47%
4	Lợi nhuận khác	1.078.185.433	(33.367.092)	-3%
5	Lợi nhuận trước thuế	94.202.216.692	43.306.397.634	46%
6	Lợi nhuận sau thuế	74.933.092.533	34.336.381.027	46%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Năm 2017	Năm 2018	% (2018 / 2017)
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,48	2,00	58%
	+ Hệ số thanh toán nhanh	0,63	0,18	28%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số nợ / Tổng tài sản	0,37	0,54	147%
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,58	1,17	203%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho	8,30	7,20	87%
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	4,78	4,12	86%
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,04	0,01	37%
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,28	0,12	44%
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,18	0,06	32%
	+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,05	0,02	38%

6-C
STEP
HỒ C'

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 12.225.393 cổ phần

Trong đó:

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là: 12.225.393 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là: không

b. Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông như sau:

➤ **Cổ đông trong nước:**

+ Cổ đông nhà nước	7.946.505 CP	tỷ lệ: 65,0%
+ Cổ đông tổ chức	1.332.195 CP	tỷ lệ: 10,9%
+ Cổ đông cá nhân	2.946.093 CP	tỷ lệ: 24,1%

➤ **Cổ đông nước ngoài:**

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2018 Công ty không có tăng vốn điều lệ.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2018 Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác:

Trong năm 2018 Công ty không có chứng khoán khác

5. Báo cáo tác động đến môi trường:

+ Đề Công ty phát triển bền vững, trong những năm qua Công ty luôn thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, trồng nhiều cây xanh, duy trì tốt nhà máy công viên.

+ Công tác xử lý khí thải, nước thải đạt QCVN (Quy chuẩn Việt Nam) về môi trường. Công tác quản lý chất thải rắn được thực hiện nghiêm túc và có ký hợp đồng với đối tác có chức năng xử lý chất thải rắn theo đúng quy định.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Khó khăn

Ngoài tình hình chung như trên thị trường thép trong nước năm 2018 có tăng trưởng; Quý 1 đầu quý giá đi xuống cuối quý giá đi lên; Quý 2 đầu quý giá đi xuống cuối quý giá đi lên; Quý 3 và quý 4 giá thép đi xuống liên tục. Giá phôi thép tăng mạnh trong Quý 1 có thời điểm tháng 3 vượt ngưỡng 13 triệu đồng/tấn. đến cuối quý 4 giá phôi xuống chỉ khoảng 10,5 triệu đồng/tấn.

Từ Quý 3 giá cả các loại VTNVL cho luyện tăng mạnh như sắt thép vụn làm ảnh hưởng mạnh đến hiệu quả SXKD.

Từ quý 3 Fomosa tung ra thị trường phôi thép giá rẻ làm ảnh hưởng mạnh đến tình hình SXKD của Công ty.

Sự cạnh tranh quyết liệt về giá bán thành phẩm của các nhà sản xuất thép trong nước làm cho giá bán thép thành phẩm của Công ty cũng không được ổn định nên đã có những



ảnh hưởng nhất định đến tình hình kinh doanh của Công ty. Ngoài ra còn phải cạnh tranh với sản phẩm thép từ phía Bắc, Miền Trung như Hòa Phát, Thép Việt Mỹ tìm cách thâm nhập vào. Trong phí Nam Posco cũng ra thị trường sản lượng lớn.

1.2. Thuận lợi

Bên cạnh những khó khăn thì cũng có những mặt thuận lợi như bộ máy tổ chức của Công ty đã ngày càng được củng cố và kiện toàn, CBCNV Công ty có truyền thống đoàn kết khắc phục khó khăn để thực hiện tốt nhiệm vụ. Việc phát huy tốt các hạng mục đầu tư cùng với trình độ tay nghề của đội ngũ được phát huy tốt đã tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao được thị trường tin dùng, uy tín của sản phẩm được nâng cao. Đồng thời, đã giảm được chi phí sản xuất ở khâu luyện thép và cán thép, giúp tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường tiêu thụ thép.

Ngoài ra Công ty luôn nhận được sự chi đạo và giúp đỡ kịp thời về nhiều mặt của HĐQT, Tổng Giám đốc cũng như hỗ trợ các Phòng, Ban của Tổng Công ty Thép Việt Nam.

Kết quả SXKD năm 2018 Công ty đạt lợi nhuận trước thuế 43,3 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản

Về tài sản đến cuối năm 2018 là 603 tỷ đồng

- Tài sản ngắn hạn của Công ty đến cuối năm 2018 là 550 tỷ đồng

2.2. Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Về tình hình nợ phải trả cuối năm 2018 là 325 tỷ đồng

Về đóng góp nân sách, trong năm 2018 Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước là 48,8 tỷ đồng.

Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, khả năng thanh toán tốt. Nguồn vốn vay lưu động được kiểm soát chặt chẽ đảm bảo đạt hiệu quả nhất.

3. Công tác quản lý, cung ứng vật tư nguyên liệu:

- Bộ phận mua liệu đã chủ động bám sát thị trường nguyên liệu sắt thép vụn nội địa, từ đó có chính sách giá và thu mua hợp lý đảm bảo đủ số lượng. Nghiệm thu, loại bỏ tạp chất nghiêm ngặt, phối hợp với công nghệ để định hướng sử dụng liệu và mua liệu phù hợp tăng hiệu quả sản xuất hạ giá thành phôi thép đảm bảo yêu cầu cạnh tranh sản phẩm của Công ty.

- Tồn kho vật tư nguyên vật liệu, thiết bị, phụ tùng thay thế vv.. hợp lý cho từng thời kỳ để giảm chi phí.

- Nắm bắt sâu sát, dự báo tình hình thị trường đúng, triển khai kế hoạch sản xuất và tiêu thụ hợp lý duy trì và chăm sóc khách hàng truyền thống.

- Kết hợp tiêu thụ thép cán và phôi thép hợp lý, góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2018.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Trong năm qua Tổng giám đốc điều hành đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 và các Nghị quyết hợp từng quý của HĐQT.

Đội ngũ cán bộ quản lý đoàn kết, năng động, có năng lực tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng được nhu cầu của sản xuất kinh doanh không để xảy ra các sai phạm về công

tác quản lý tài chính, các vị trí nhạy cảm đều được quan tâm kiểm soát, huy động tốt nguồn lực đầy mạnh sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Cán bộ quản lý tận tụy với công việc, gương mẫu, trung thực thực hiện nhiệm vụ.

Công ty đã chủ động sản xuất các mặt hàng, chủng loại mà Công ty có ưu thế, qua đó thúc đẩy tiêu thụ (sản lượng thép cán D10 và D12 chiếm trên 50 %), tăng cường sản xuất các loại phi thép và thép cán hợp kim thấp độ bền cao, đáp ứng nhu cầu cho các công trình lớn cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nắm bắt thông tin thị trường, linh hoạt thay đổi cơ cấu sản phẩm thép cán nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu người tiêu dùng.

Chất lượng sản phẩm được kiểm tra trước khi đưa ra thị trường. Tiếp thu nghiêm túc và giải quyết các thông tin phản hồi từ khách hàng, nhằm thỏa mãn nhu cầu thị trường.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách Hội đồng quản trị sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

STT	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú
01	Tổng Công ty Thép Việt Nam Đại diện: Dương Minh Chính	2.457.049	20,1	Thành viên Chuyên trách
02	Tổng Công ty Thép Việt Nam Đại diện: Nguyễn Xuân Tiến	2.445.079	20,0	Thành viên điều hành Bổ nhiệm ngày 01/01/2019
03	Tổng Công ty Thép Việt Nam Đại diện: Nguyễn Phùng Hiền	2.445.079	20,0	Thành viên điều hành Miễn nhiệm ngày 01/01/2019
04	Tổng Công ty Thép Việt Nam Đại diện: Cao Anh Kiệt	1.836.009	15,02	Thành viên điều hành
05	Trịnh Chính Sinh	666.098	5,4	Thành viên độc lập Miễn nhiệm ngày 05/4/2018
06	Tổng Công ty Thép Việt Nam Đại diện: Lê Khắc Thành	1.222.539	10,0	Thành viên không điều hành
	Lê Bá Phương			Thành viên độc lập Bổ nhiệm ngày 05/4/2018

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:



Trong năm Hội Đồng Quản Trị họp theo quý/lần, nội dung cụ thể, đã thể hiện được việc kiểm soát đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Xác định các mục tiêu, thảo luận và biểu quyết các vấn đề lớn về đầu tư, phát triển và định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trường Ban Kiểm soát được mời dự các cuộc họp của họp Hội Đồng Quản Trị báo cáo kết quả kiểm soát, đã thể hiện được trách nhiệm của Ban kiểm soát đối với hoạt động của Công ty, khuyến cáo những vấn đề cần lưu tâm trong hoạt động của đơn vị.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cuộc họp	Số lần tham dự
01	Dương Minh Chính	Chủ tịch.HĐQT	6	6
02	Nguyễn Phùng Hiền	Ủy viên HĐQT	6	6
03	Cao Anh Kiệt	Ủy viên HĐQT	6	6
04	Trịnh Chính Sinh	Ủy viên HĐQT	2	2
05	Lê Khắc Thành	Ủy viên HĐQT	6	6
06	Lê Bá Phương	Ủy viên HĐQT	4	4

Qua các cuộc họp trên, Hội đồng quản trị đã ra các Nghị quyết trong năm như sau:

STT	Số	Ngày	Nội dung
01	72/NQ-VKC	31/01/2018	Đánh giá kết quả công tác năm 2017, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm năm 2018
02	74/NQ-VKC	01/2/2018	Về chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2018
03	307/NQ-VKC	21/03/2018	Về kế hoạch chương trình nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
04	3488/NQ-VKC	05/04/2018	NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
05	547/NQ-VKC	30/05/2018	Về đánh giá kết quả công tác quý 1, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm quý 2
06	781/NQ-VKC	23/08/2018	Về đánh giá kết quả công tác quý 2 và 6 tháng đầu năm, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm quý 3
07	956/NQ-VKC	13/11/2018	Về đánh giá kết quả công tác quý 3 và 9 tháng đầu năm, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm quý 4
08	1484/NQ-VKC	27/12/2018	Nghị quyết về công tác cán bộ lãnh đạo

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Hội đồng quản trị có 03 thành viên không trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Không có một số hoặc một nhóm thiểu số thành viên nào có ảnh hưởng chi phối các quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

Danh sách 03 thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành Công ty như sau:

- + Ông Dương Minh Chính Chủ tịch HĐQT
- + Ông Trịnh Chính Sinh Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 05/4/2018)
- + Ông Lê Bá Phương Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 05/4/2018)
- + Ông Lê Khắc Thành Thành viên HĐQT

d) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành công ty trong năm 2018 như sau:

- + Ông Nguyễn Phùng Hiền Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/01/2019)
- + Ông Cao Anh Kiệt Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

e) Ban Kiểm soát

- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú
01	Đoàn Hồng Hà			Trưởng ban
02	Nguyễn Minh Sơn			Ủy viên (miễn nhiệm 05/4/2018)
03	Nguyễn Thị Hồng Minh	666.097	5,4	Ủy viên (miễn nhiệm 05/4/2018)
04	Nguyễn Quốc Cường			Ủy viên (bổ nhiệm 05/4/2018)
05	Trần Minh Hạnh			Ủy viên (bổ nhiệm 05/4/2018)

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm Trưởng ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của HĐQT, đồng thời BKS đã tổ chức 4 cuộc họp đề lên kế hoạch công tác, thực hiện chức năng giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và trình các kiến nghị đối với HĐQT, Ban tổng Giám đốc để nâng cao hiệu quả của công ty

- Các hoạt động chính của Ban kiểm soát gồm có:

+ Xem xét đánh giá hoạt động của HĐQT liên quan đến việc thực hiện kế hoạch hàng tháng, quý, năm.

+ Xem xét đánh giá tình hình hoạt động SXKD của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành.

+ Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác đầu tư, sửa chữa lớn trong năm.

+ Kiểm tra soát xét báo cáo từng quý, 6 tháng, cả năm nhằm đánh giá tính hợp lý của số liệu vv..

f) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

- Lương, thưởng, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập	Thù lao	Cộng
01	Dương Minh Chính	Chủ tịch HĐQT	852.659	-	852.659
02	Nguyễn Phùng Hiền	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	827.093	-	827.093
03	Cao Anh Kiệt	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	634.565	-	634.565
04	Lê Khắc Thành	Thành viên HĐQT	538.299	-	538.299
05	Trịnh Chính Sinh	Thành viên HĐQT (M/Nhiệm ngày 05/4/2018)	-	12.000	12.000
06	Lê Bá Phương	Thành viên HĐQT (B/Nhiệm ngày 05/4/2018)	-	36.000	36.000
07	Hoàng Công Thành	Phó Tổng Giám Đốc	605.872	-	605.872
08	Đào Dân Quý	Phó Tổng Giám Đốc	590.338	-	590.338
09	Đoàn Hồng Hà	Trưởng ban kiểm soát	443.641	-	443.641
10	Nguyễn Minh Sơn	Thành viên BKS (Miễn nhiệm 05/4/2018)	277.781	9.000	286.781
11	Nguyễn Thị Hồng Minh	Thành viên BKS (Miễn nhiệm 05/4/2018)	-	9.000	9.000
12	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên BKS (bổ nhiệm 05/4/2018)	270.098	27.000	297.098
13	Trần Minh Hạnh	Thành viên BKS (bổ nhiệm 05/4/2018)	-	27.000	27.000
14	Đỗ Thị Long Châu	Kế toán trưởng	432.980	-	432.980
	Tổng cộng				

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm Công ty không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, kế toán trưởng)

- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm không có hợp đồng về giao dịch với cổ đông nội bộ.

VI. Báo cáo Tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán (xem thư của kiểm toán)



2. Báo cáo tài chính năm 2018:

2.1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018:

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã điều chỉnh)
I	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		550.074.641.327	363.052.449.308
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110	V.1	48.381.217.520	65.813.912.756
1. Tiền	111		43.381.217.520	50.813.912.756
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	15.000.000.000
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU	130	V.3	141.002.887.918	60.826.509.008
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		143.315.316.546	62.320.725.969
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		139.761.725	883.202.536
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		399.123.947	473.894.803
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi(*)	137		(2.851.314.300)	(2.851.314.300)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. HÀNG TỒN KHO	140	V.4	333.080.820.048	224.997.702.357
1. Hàng tồn kho	141		335.055.696.282	224.997.702.357
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.974.876.234)	
V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	150	V.5	27.609.715.841	11.414.325.187
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.730.223.293	7.177.754.356
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.879.492.548	4.227.425.679
3. Thuế và Các khoản phải thu nhà nước	154			9.145.152
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	158			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		53.614.201.261	61.351.100.548
II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	220	V.7	52.910.841.243	59.351.431.439
1. Tài sản cố định hữu hình	221		52.910.841.243	59.351.431.439
- Nguyên giá	222		320.822.060.694	315.900.149.531
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(267.911.219.451)	(256.548.718.092)
IV. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN	240	V.6	703.360.018	1.999.669.109
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		703.360.018	1.999.669.109
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		603.688.842.588	424.403.549.856

5405
 ÔNG
 CỔ PHẦN
 THẾ
 ĐỨC
 T.Đ.C.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã điều chỉnh)
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		325.867.802.311	155.367.279.970
I. NỢ NGẮN HẠN	310		274.819.802.311	104.319.279.970
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	136.768.620.260	71.506.586.613
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		388.645.646	13.606.883
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	1.689.128.084	7.652.413.549
4. Phải trả người lao động	314		11.446.540.666	20.312.458.366
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		364.283.632	3.797.573.694
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	564.656.443	433.199.721
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.8	119.428.769.436	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.169.158.144	603.441.144
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. NỢ DÀI HẠN	330		51.048.000.000	51.048.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
7. Phải trả dài hạn khác	337		51.048.000.000	51.048.000.000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+420)	400		277.821.040.277	269.036.269.886
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	410	V12	277.821.040.277	269.036.269.886
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		122.253.930.000	122.253.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		122.253.930.000	122.253.930.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.708.334.281	17.708.334.281
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.752.106.672	19.752.106.672
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		118.106.669.324	109.321.898.933
<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>			83.770.288.297	34.388.806.400
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>			34.336.381.027	74.933.092.533
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430= 300+400)	440		603.688.842.588	424.403.549.856

326
 TY
 AN
 P
 VNSTE
 P H S F

2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018:

CHỈ TIÊU	Mã số	2018	2017 (ĐÃ HỒI TỐ)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	2.488.834.141.602	2.040.495.893.724
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	2.896.389.519	13.299.254.592
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	2.485.937.752.083	2.027.196.639.132
4. Giá vốn hàng bán	11	2.397.379.982.357	1.868.292.778.856
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	88.557.769.726	158.903.860.276
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.684.711.649	3.230.364.575
7. Chi phí tài chính	22	3.275.337.458	3.500.307.832
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	3.259.185.819	3.418.006.026
8. Chi phí bán hàng	24	17.664.250.128	20.254.881.136
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25.963.129.063	45.255.004.624
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30	43.339.764.726	93.124.031.259
11. Thu nhập khác	31	1.263.642.599	1.231.896.354
12. Chi phí khác	32	1.297.009.691	153.710.921
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(33.367.092)	1.078.185.433
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50	43.306.397.634	94.202.216.692
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	8.970.016.607	19.269.124.159
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	34.336.381.027	74.933.092.533
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	2.472	5.421

Toàn văn Báo cáo Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2018 của Công ty được lưu trên Website: www.thepthuduc.com.vn tại địa chỉ Quan hệ cổ đông.

Trên đây là toàn bộ báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty Công ty cổ phần Thép Thủ Đức – Vnsteel.

Mã chứng khoán: **TDS**

Trân trọng.

TP. HCM, ngày 15 tháng 3 năm 2019
Thay mặt Ban điều hành Công ty



Nguyễn Xuân Tiên

